

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, thương mại điện tử

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

*Bộ Tài chính hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh, **bưu chính, thương mại điện tử** như sau:*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Biên lai) của các Doanh nghiệp kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ chuyển phát nhanh bưu chính, thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng biên lai.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được Doanh nghiệp kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ chuyển phát nhanh bưu chính, thương mại điện tử (dưới đây gọi tắt là Khách hàng).

3. Cơ quan hải quan.

Điều 3. Nội dung Biên lai

1. Biên lai thu thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính là ấn chỉ thuế do cơ quan hải quan uỷ nhiệm cho doanh nghiệp tạo ra trên các thiết bị tin học, để ghi nhận thông tin số thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính phải thu của Khách hàng theo quy định pháp luật khi kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, thương mại điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Biên lai phải được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

3. Biên lai điện tử

a) Biên lai điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của biên lai đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử;

b) Nội dung biên lai theo quy định tại khoản 2 Điều này, định dạng biên lai điện tử theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm của Doanh nghiệp và cơ quan hải quan

1. Trách nhiệm của Doanh nghiệp:

a) Tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai theo hướng dẫn tại Chương II Thông tư này; không được tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai trái quy định dẫn đến chiếm dụng thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính của Nhà nước hoặc tiền của Khách hàng;

b) Gửi Thông báo phát hành Biên lai và các Báo cáo theo quy định;

c) Các Doanh nghiệp được tự tạo Biên lai và giao cho Khách hàng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

a) Tổng cục Hải quan căn cứ nội dung phát hành Biên lai của Doanh nghiệp hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này để tổ chức xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về phát hành Biên lai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để mọi tổ chức, cá nhân tra cứu được nội dung cần thiết về Biên lai đã thông báo phát hành của Doanh nghiệp;

b) Quản lý việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế và phí, lệ phí của các Doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này;

c) Kiểm tra Thông báo phát hành Biên lai và các Báo cáo do Doanh nghiệp gửi đến.

d) Theo dõi, kiểm tra hoạt động hủy chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính trong phạm vi được phân cấp quản lý về thuế.

Chương II

TẠO, PHÁT HÀNH, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ BIÊN LAI

Điều 5. Tạo Biên lai

1. Nguyên tắc tạo Biên lai thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Nguyên tắc tạo Biên lai thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định 123/2020/NĐ-CP; đăng ký sử dụng Biên lai điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

2. Biên lai phải được tạo vào cùng ngày hoặc ngày làm việc liền kề sau ngày (bao gồm cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng việc kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ được thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ.

Điều 6. Công khai Biên lai mẫu

1. Các Doanh nghiệp trước khi sử dụng Biên lai tự tạo hoặc sử dụng Biên lai điện tử theo hướng dẫn tại Điều 5 gửi mẫu biên lai đến Cục Hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để cập nhật thông tin phát hành Biên lai trên trang thông tin điện tử của ngành Hải quan;

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Biên lai mẫu, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi nhận được Biên lai mẫu có trách nhiệm thông báo thông tin Biên lai mẫu trên trang thông tin điện tử của ngành Hải quan. Trường hợp Biên lai mẫu không đảm

bảo đủ nội dung theo đúng quy định, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi nhận được Biên lai mẫu của Doanh nghiệp phải có văn bản thông báo cho Doanh nghiệp biết trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên lai mẫu.

Điều 7. Sử dụng Biên lai

1. Doanh nghiệp giao Biên lai cho Khách theo hướng dẫn của Thông tư này khi làm xong thủ tục hải quan.

2. Khách hàng được sử dụng Biên lai hợp pháp để hạch toán kế toán hoạt động mua hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán; kê khai, khấu trừ thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính theo quy định.

3. Xử lý đối với Biên lai đã tạo

a) Trường hợp tạo Biên lai chưa giao cho Khách hàng, nếu phát hiện Biên lai tạo sai, Doanh nghiệp thực hiện hủy biên lai theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Đối với Biên lai điện tử làm cho Biên lai điện tử không còn tồn tại trên hệ thống thông tin, không thể truy cập và tham chiếu đến thông tin chứa trong Biên lai điện tử;

b) Trường hợp Biên lai đã tạo và giao cho Khách hàng nhưng Doanh nghiệp chưa giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho Khách hàng nếu phát hiện sai phải hủy bỏ, Doanh nghiệp và Khách hàng lập biên bản thu hồi Biên lai đã tạo sai để hủy theo quy định;

c) Trường hợp Biên lai đã tạo và giao cho Khách hàng, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ nếu phát hiện sai sót hoặc trường hợp cơ quan hải quan ấn định thuế đối với tờ khai hải quan đã thu thuế:

c.1) Đối với trường hợp điều chỉnh tăng số thuế, phí, lệ phí phải nộp: Doanh nghiệp tạo thêm Biên lai mới thể hiện số thuế, lệ phí điều chỉnh tăng, trong đó ghi rõ điều chỉnh tăng cho Biên lai số..., ký hiệu...

c.2) Đối với trường hợp điều chỉnh giảm số thuế, phí, lệ phí phải nộp: Doanh nghiệp và Khách hàng phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót hoặc lý do điều chỉnh giảm thuế, phí, lệ phí; Điều chỉnh giảm cho Biên lai số..., ký hiệu...

Trường hợp đã tạo Biên lai theo đúng quy định nhưng sau đó Doanh nghiệp hoặc Khách hàng làm mất, cháy, hỏng thì Doanh nghiệp và Khách hàng lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ Liên 1 của Biên lai Doanh nghiệp khai, nộp thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền), đóng dấu (nếu có) trên biên bản và Doanh nghiệp sao chụp liên 1 của Biên lai, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao Biên lai để giao cho Khách hàng. Khách hàng được sử dụng Biên lai bản sao kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng liên 2 Biên lai để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế. Doanh nghiệp và Khách hàng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng Biên lai;

d) Trường hợp Doanh nghiệp nếu phát hiện mất, cháy, hỏng Biên lai đã lập hoặc chưa lập phải lập báo cáo về việc mất, cháy, hỏng theo quy định tại khoản 1 Điều 40

Nghị định 123/2020/NĐ-CP và thông báo với Cục hải quan tỉnh, thành phố nơi Doanh nghiệp đăng ký phát hành Biên lai;

d) Trường hợp Biên lai đã tạo nhưng Khách hàng từ chối không nhận hàng hoặc thay đổi phương thức thông quan thì Doanh nghiệp thu hồi Biên lai và xử lý theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này;

e) Việc xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Quản lý Biên lai

1. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý Biên lai đã tạo hoặc chưa tạo, trường hợp phát hiện mất, cháy, hỏng Biên lai đã tạo hoặc chưa tạo phải lập báo cáo về việc mất, cháy, hỏng và thông báo với Cục Hải quan tỉnh/thành phố nơi Doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan theo mẫu số BC21/BLG phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng Biên lai. Trường hợp ngày cuối cùng (ngày thứ 05) trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.

2. Lưu trữ, bảo quản Biên lai.

Biên lai được lưu trữ trong hệ thống máy tính theo chế độ bảo mật thông tin; và lưu trữ, bảo quản theo quy định lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán. Việc lưu trữ phải đảm bảo khi cơ quan chức năng yêu cầu thì phải khai thác, kiểm tra, in ra được Biên lai từ phần mềm.

4. Tiêu hủy Biên lai.

Các trường hợp tiêu hủy biên lai, trình tự, thủ tục tiêu hủy biên lai thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Thời hạn huỷ Biên lai chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo với Cục Hải quan tỉnh/thành phố nơi Doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp Doanh nghiệp còn lưu giữ Biên lai thuộc các trường hợp cơ quan hải quan đã thông báo hết giá trị sử dụng, thời hạn huỷ Biên lai chậm nhất là mười (10) ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo hết giá trị sử dụng hoặc từ ngày tìm lại được Biên lai đã mất.

Điều 9. Xử lý vi phạm về in, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai

Việc xử lý vi phạm về in, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí và hải quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2023 và thay thế Thông tư số 178/2011/TT-BTC ngày 08/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế và lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban pháp luật (Quốc hội);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (...b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**